

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2021

“Về việc tranh chấp ly hôn
và quyền nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Tím
2. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:*
Không có.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: K 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: K 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày: Do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu nhau nên bà và ông M có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trước sự cho phép tổ chức lễ cưới của hai bên gia đình vào năm 2012 đến ngày 19/01/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới vợ chồng về sống bên cha mẹ chồng tại khóm 1, thị trấn T, huyện C, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2019 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, do anh M không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt say xỉn cùng

bạn bè. Nhưng vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên cố gắng chịu đựng để có cuộc sống êm ấm, nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không bên nào tạo điều kiện hàn gắn.

Đến nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn M.

Về con chung: tên Trần Quốc H, sinh ngày 11/5/2012 và Trần Ngô Y, sinh ngày 05/3/2019, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với ông Trần Văn M: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải cho ông M để đến giải quyết việc bà Ngô Thị T yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nhưng ông M cố tình vắng mặt không có lý do. Như thế, ông M không muốn tạo điều kiện hàn gắn với bà T và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời ông M cũng không đến Tòa án làm việc để Tòa án ghi nhận ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Ngô Thị T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ngô Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã tổng đạt các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 05/7/2021 ông M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 19/7/2021 Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Trần Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T: Bà T xác định, trong đời sống hôn nhân ông M thiếu sự quan tâm, thường xuyên rượu chè, bạo lực gia đình, dù bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông M không thay đổi. Kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến tại thời điểm xét xử, ông M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, đồng thời yêu cầu ông M có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T nhưng ông không đến tòa để trình bày quan điểm của mình từ đó cho thấy ông M không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông M.

[3] Về con chung: tên Trần Quốc H, sinh ngày 11/5/2012 (cũng phù hợp với ý kiến của con muốn sống cùng với bà T) và Trần Ngô Y, sinh ngày 05/3/2019, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, bà T không yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; 271 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T, cho bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc H, sinh ngày 11/5/2012 (nguyên vọng của cháu H muốn được sống cùng với mẹ) và Trần Ngô Y, sinh ngày 05/3/2019 cho bà Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị T không yêu cầu ông Trần Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị T xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003438 ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên bà T đã nộp xong tiền án phí nên không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã,TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Sô Tha

